TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN VĂN HÀI**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 825/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255A/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ H,** sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **VÕ NGỌC TR,** sinh năm 1975 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 31/10/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Tr tổ chức lễ cưới vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng thường xuyên tranh cãi gây mất tình cảm. Anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Tr.

Con chung có một cháu tên Võ Ngọc T, sinh ngày 01/11/1999, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Ngọc Tr đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự liên quan việc chị H khởi kiện như trên nhưng anh Tr vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do. Sau khi Toà án triệu tập hợp lệ phiên toà lần hai, anh Tr có mặt tại Toà và cho ý kiến là thống nhất với lời trình bày của chị H nhưng anh không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, chị H trình bày do quen biết nên chị và anh Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường nhậu nhẹt không quan tâm gia đình, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi gây mất tình cảm và anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, sau khi cưới anh chị chỉ sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ năm 2010 cho đến nay mà cũng không sắp xếp được cuộc sống gia đình ổn thoả. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Tr để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh nhưng anh vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, và sau khi được Toà án triệu tập hợp lệ phiên toà lần hai, anh Tr mới có mặt tại Toà và cho ý kiến là anh không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được phương án nào thuyết phục chị H để vợ chồng đoàn tụ. Hơn nữa, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1999 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị H và anh Tr không được công nhận là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Có một cháu tên Võ Ngọc T, sinh ngày 01/11/1999, hiện đã trưởng thành nên Toà án không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung:* Theo chị H trình bày là không có nên Toà án không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Võ Ngọc Tr là vợ chồng.

Về con chung: Có một cháu tên Võ Ngọc T, sinh ngày 01/11/1999, hiện đã trưởng thành nên Toà án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 07766 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM